



MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG	2
1. Chủ đầu tư:.....	2
2. Nhà thầu tư vấn:.....	2
3. Nguồn vốn đầu tư:.....	2
PHẦN II: CĂN CỨ PHÁP LÝ	3
1. Các văn bản luật:.....	3
2. Các văn bản dưới luật:.....	3
3. Văn bản địa phương và tài liệu khác liên quan:.....	4
4. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn tham khảo áp dụng:.....	6
PHẦN III: ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	7
I. ĐỊA ĐIỂM - VỊ TRÍ XÂY DỰNG:	7
1. Địa điểm xây dựng:.....	7
2. Vị trí xây dựng:.....	7
II. HIỆN TRẠNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG	7
1. Hiện trạng sử dụng đất:.....	7
2. Hiện trạng dân cư và nhà ở:.....	7
3. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan:.....	7
4. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:.....	7
5. Khí hậu:.....	7
6. Thủy văn:.....	8
6. Địa chất công trình:.....	9
PHẦN IV: QUY MÔ, GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ DỰ ÁN	10
I. MỤC TIÊU:	10
II. QUY MÔ THIẾT KẾ:	10
2.1. Quy mô sử dụng đất thực hiện dự án:.....	10
2.2. Quy mô dự án:.....	10
2.2.1. Đường giao thông:.....	10
2.2.1.1. San lấp nền đường:.....	10
2.3. Chi phí xây dựng:.....	12
PHẦN VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	13



PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG

1. Chủ đầu tư:

- Tên giao dịch: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC 2.**

- Đại diện là: Ông **NGUYỄN THÀNH ĐỨC** Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ:

- Tài khoản:

- Mã số thuế: 1402210841.

- Điện thoại: 02773.864732.

Và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn:

- Tên giao dịch: **TRUNG TÂM QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG.**

- Đại diện là Ông **Nguyễn Nam Xuân** Chức vụ: Giám đốc

(Theo Quyết định số 40/QĐ-SXD ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp).

- Địa chỉ: Số 79, đường Trung Trắc, Phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 0273. 3979100

- Tài khoản: 8603756868 tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tiền Giang.

- Mã số thuế: 1201707464.

3. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn Ngân sách Tỉnh hỗ trợ và ngân sách Huyện.



PHẦN II: CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Các văn bản luật:

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội;

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội;

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

2. Các văn bản dưới luật:

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;



Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 05/2022/TT-BXD ngày 30/11/2022 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 03:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT/BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ xây dựng.

Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

3. Văn bản địa phương và tài liệu khác liên quan:

Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân Huyện, về việc giao Ủy ban nhân dân Huyện quyết định chủ trương đầu tư công trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ ngân sách cấp Tỉnh bổ



sung có mục tiêu và dự án nhóm C giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách nhà nước do Huyện quản lý và phân bổ;

Báo cáo số 481/BC-HĐTĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư, Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng;

Quyết định số 484/QĐ-UBND.HC ngày 04/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò về việc Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng;

Quyết định số 1375/QĐ-BQLDA&PTQĐ ngày 10/9/2024 của Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Lấp Vò về việc Phê duyệt dự toán chi phí Tư vấn trong công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng.

Quyết định số 683/QĐ-UBND.HC ngày 03/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò về việc Phê duyệt dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng;

Quyết định số 68/QĐ-UBND.HC ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng;

Quyết định số 864/QĐ-BQLDAKV2 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng;

Công văn số 807/SXD-KCHTXD ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đường nhánh dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên) đấu nối vào đường Quốc lộ 54 tại Km0+273,30 bên trái tuyến;

Thông báo Kết quả thẩm định số 07/SXD-ĐTXD.TĐ ngày 11 tháng 2 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng;

Thông báo số 3154/TB-SXD ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc Công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; giá vật tư, thiết bị điện tại thời điểm tháng 3 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Kết quả thẩm định số 13/KQTĐ-PKT.TTĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Phòng Kỹ thuật thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực 2 về việc thẩm định dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng.



4. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn tham khảo áp dụng:

QCVN 07-4:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình giao thông đô thị;

QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong xây dựng;

QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung;

TCVN 9401:2012 Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình;

TCVN 4447:2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;

TCVN 4419:1987 Khảo sát cho xây dựng – Nguyên tắc cơ bản;

TCVN 8859-2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu đường - thi công và nghiệm thu;

Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế: TCVN 13592:2022;

Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm: TCCS 38:2022/TCĐBVN;

TCCS 38: 2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

TCCS 41: 2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;

Quy phạm lưới tam giác, đường chuyền đo cạnh do Cục Đo đạc và Bản Đồ Nhà nước ban hành;

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan đến thiết kế và thi công công trình.



PHẦN III: ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

I. ĐỊA ĐIỂM - VỊ TRÍ XÂY DỰNG:

1. Địa điểm xây dựng:

Địa điểm: xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2. Vị trí xây dựng:

Dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía Nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng thuộc xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, có ranh giới hạn được xác định như sau:

- Phía Tây Bắc: giáp đất dân.
- Phía Đông Nam: giáp đất dân.
- Phía Đông Bắc: giáp dự án chính trang (Rạch Cái dâu).
- Phía Tây Nam : giáp Quốc lộ 54

II. HIỆN TRẠNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG

1. Hiện trạng sử dụng đất:

Đất trong dự án thuộc đất dân. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất đang tiến hành bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để đầu tư dự án.

2. Hiện trạng dân cư và nhà ở:

Trong khu quy hoạch hiện trạng chủ yếu là đất ở, đất trồng lúa và cây lâu năm.

3. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan:

Hiện trạng kiến trúc trong khu quy hoạch có nhà dạng kiên cố và bán kiên cố.

4. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

San nền đường: Nền hiện trạng là đất trồng lúa, ao mương, cao độ tương đối thấp, không bằng phẳng. Do đó, cần thực hiện san lấp nền đường giao thông.

Hệ thống giao thông:

Tiếp giáp với dự án phía Tây Nam là trục đường quốc lộ 54, thuận tiện cho việc đấu nối giao thông dẫn vào khu vực dự án.

5. Khí hậu:

Huyện Lấp Vò nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Đồng Tháp, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa và có đặc điểm là nhiệt độ ổn định và đồng nhất, độ ẩm cao và lượng mưa tương đối phong phú. Huyện có đặc điểm khí tượng chung của tỉnh Đồng Tháp, nằm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa gần xích đạo, khí hậu được chia làm hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.

- Nhiệt độ: nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 27,85°C, tháng 4 có nhiệt độ cao nhất khoảng 29,94°C, tháng 12 có nhiệt độ thấp nhất khoảng 25,80°C.



- Độ ẩm: cao và ổn định, ít biến đổi qua các năm, độ ẩm trung bình cả năm khoảng 81,1%, thấp nhất khoảng 77,5%, cao nhất khoảng 84,9%.

- Lượng mưa: trong năm hình thành 2 mùa rõ rệt, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau; lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 138,7 mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (chiếm hơn 90% tổng lượng mưa).

- Số giờ nắng: số giờ nắng trong năm khá cao, khoảng 225,7 giờ/năm.

- Gió: phổ biến với hai hướng gió chính là gió mùa Tây Nam thường xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 11, thổi vào từ vịnh Thái Lan, mang theo nhiều hơi nước nên gây mưa; và gió mùa Đông Bắc thường xuất hiện từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, thổi từ lục địa sang nên khô và nóng. Ngoài ra, khoảng từ tháng 2 đến tháng 4 còn có gió chướng, trong mùa mưa còn xuất hiện các cơn lốc xoáy bất ngờ, gây ảnh hưởng tới sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Với những đặc điểm khí hậu như trên tạo thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, thủy sản đa canh và thâm canh có hiệu quả cao. Tuy nhiên, vào mùa mưa phải tốn một khoản chi phí khá lớn để đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho khâu phơi sấy, tồn trữ và bảo quản nông sản.

Nhìn chung, mức độ chênh lệch về độ ẩm, nhiệt độ trong khu vực đầu tư không nhiều, nên không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng và công tác thi công của công trình.

6. Thủy văn:

Chịu ảnh hưởng chính của chế độ thủy văn thượng nguồn (sông Mê Kông), chế độ triều biển Đông, và chế độ nội đồng. Do đó, đã hình thành nên các đặc điểm khác biệt nhau của chế độ thủy văn sông Tiền - Hậu và chế độ thủy văn của các kênh rạch nội đồng trên địa bàn, với 2 mùa rõ rệt: mùa lũ trùng với mùa mưa và mùa kiệt trùng với mùa khô, cụ thể:

- Chế độ thủy văn sông Tiền, sông Hậu: với mùa kiệt nối tiếp sau mùa lũ, từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau. Vào mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất hàng năm từ trung tuần tháng 4, 5. Đầu tháng 6, tuy ở thượng nguồn có mưa nhưng lưu lượng ở sông Tiền, sông Hậu vào cuối tháng 6 mới rõ nét. Lưu lượng nhỏ nhất trên sông Tiền tại Mỹ Thuận từ 800 – 900 m³/s, trên sông Hậu tại Cần Thơ 700 – 800 m³/s; và mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11 hàng năm. Lưu lượng lớn nhất trên sông Tiền tại Mỹ Thuận khoảng 16.000 – 18.000 m³/s, trên sông Hậu tại Cần Thơ khoảng 21.000 m³/s. Cường suất lũ nhỏ, thường 5 – 10 cm/ngày, tuy nhiên do thời gian kéo dài nên tổng lượng lũ khá lớn khoảng 7 tỷ m³.

- Chế độ thủy văn của các kênh rạch nội đồng: Dòng chảy từ sông theo các kênh rạch vào sâu trong nội đồng khi triều lên và rút khi triều xuống; chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.



6. Địa chất công trình:

Hiện nay khu vực quy hoạch chưa có tài liệu về địa chất công trình. Trong giai đoạn thực hiện đầu tư hạ tầng của dự án xây dựng chưa yêu cầu khoan khảo địa chất công trình.



PHẦN IV: QUY MÔ, GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU:

Nhằm thúc đẩy sự phát triển đô thị, tạo vẻ mỹ quan cho khu vực và góp phần hoàn chỉnh hạ tầng giao thông trung tâm đô thị loại IV, đáp ứng vấn đề giao thông đi lại ngày một tốt hơn, nâng cao đời sống của nhân dân trong khu vực được cải thiện về vật chất, tinh thần phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.

II. QUY MÔ THIẾT KẾ:

2.1. Quy mô sử dụng đất thực hiện dự án:

Diện tích thực hiện dự án và thu hồi đất: 11,3541 ha.

2.2. Quy mô dự án:

Dự án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư của địa phương.

Thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng diện tích khoảng 11,3541 ha (Theo Quyết định số 484/QĐ-UBND.HC ngày 04 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện Lấp Vò về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía Nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng). Quy mô xây dựng tuyến đường như sau:

- Công trình giao thông: cấp III.
- Tổng chiều dài tuyến: 2.835,56m
- Điểm đầu (Km0+55,28): Tiếp giáp dự án chỉnh trang.
- Điểm cuối (Km2+890,92): Tiếp giáp Quốc lộ 54.

+ Mặt cắt ngang đường số 01: 6m (lề)+10,5m (mặt)+2m (dãy phân cách)+10,5m (mặt) +6m (lề). Giai đoạn này chưa làm dãy phân cách.

+ Mặt cắt ngang 01 phần đường số 3: 6m (lề)+10,5m (mặt) +3m (dãy phân cách) +10,5m (mặt) + 6m (lề). Giai đoạn này chưa làm dãy phân cách.

+ San lấp mặt bằng nền đường.

+ Kết cấu mặt đường: rải cấp phối đá dăm (phục vụ giao thông tạm).

2.2.1. Đường giao thông:

2.2.1.1. San lấp nền đường:

- Giải pháp thiết kế:

+ Bình đồ, trắc dọc: Bình đồ tuyến với tim tuyến theo tim đường theo quy hoạch được duyệt. Trắc dọc tuyến với cao độ thiết kế là +3.200 (trừ các vị trí vượt nổi vào cao độ hiện trạng).



+ Đê chắn cát được thi công hoàn chỉnh trước khi bơm cát tới cao độ thiết kế. Việc đầm nén bờ bao phải tuyệt đối tuân thủ theo TCVN 4447-2012 về công tác đất. Để đảm bảo chất lượng cho công trình khi thi công đê bao cần chú ý thực hiện các việc như sau: Thi công thành từng lớp, mỗi lớp có chiều dày không quá 0,5m phải tiến hành đầm nén kỹ lớp trước đạt hệ số $K=0,90$ mới được tiếp tục thi công lớp thứ hai.

+ Đất đắp đê san lấp (đắp đất lề đường): Đào lấy đất trong phạm vi nền đường để đắp lề sau đó bơm bù cát. Lề đường đắp đất (chi tiết xem trắc ngang mẫu).

+ Gia cố ta luy nền đường đoạn qua ao mương: bằng cừ tràm dài 4.5, Fi ngọn =4.2cm, L=4.5m, mật độ 15 cây/md (5 cây/1 hàng).

+ Cát được bơm từ ghe lên công trình bằng máy bơm, đầm chặt $K \geq 0.85$. Cát san lấp được lấy từ mỏ cát, vận chuyển đến bờ sông phía trước công trình với cự ly 53km và bơm lên công trình với cự ly khoảng <1000m. **Lưu ý: Hệ số hao hụt cát san lấp sau khi đầm chặt đạt $k \geq 0.85$ được tính dự trừ là 1.122 (tham khảo theo kết quả thí nghiệm cát san lấp của công trình tương tự để tính).** Khối lượng cát san lấp được nghiệm thu thanh toán theo thực tế trên cơ sở thí nghiệm hiện trường (có kèm theo bảng kết quả thí nghiệm và tính toán chi tiết).

+ Khi bơm cát không được tổ chức bơm theo nhiều hướng khác nhau cùng một lúc, phải để nước tập trung vào các vị trí thoát nước được bố trí trên mặt bằng.

+ Những vị trí đầu ống thoát nước xếp rọ (xếp đá 10x20) kích thước 500x500x500.

2.2.1.2. Mặt đường cấp phối đá dăm:

- Quy mô đầu tư đường số 01 và đường số 03 được thiết kế với quy mô như sau:

+ Hệ thống giao thông dự án được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, lưu lượng xe thiết kế 20 xe/ngày đêm, mặt đường rải đá chống lầy (phục vụ giao thông tạm).

- Cao độ thiết kế tại tim đường: +3.200.

- Kết cấu mặt đường:

+ Mặt đường cấp phối đá dăm loại 1 dày 10cm $E_{vl} \geq 260\text{Mpa}$, $K \geq 0,98$ (phục vụ giao thông tạm).

+ Nền cát san lấp đầm chặt dày 50cm; $K \geq 0,95$.

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo và sơn tín hiệu giao thông đường bộ thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.



2.3. Chi phí xây dựng:

Tổng chi phí xây dựng: **93.492.552.000đ.** (Bằng chữ: *Chín mươi ba tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Trong đó:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
1	Chi phí GPMB	0
2	Chi phí xây dựng sau thuế	82.948.860.088
4	Chi phí quản lý dự án	1.528.521.267
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.779.801.492
6	Chi phí khác	1.783.342.980
7	Chi phí dự phòng	4.452.026.291
	Tổng cộng (Tính tròn):	93.492.552.000



PHẦN VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua các phân trình bày trên cho thấy việc đầu tư dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía Nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng là hết sức cấp bách và cần thiết, nhằm thúc đẩy sự phát triển đô thị, tạo vẻ mỹ quan cho khu vực và góp phần giải quyết vấn đề giao thông đi lại ngày một tốt hơn, nâng cao đời sống của nhân dân trong khu vực được cải thiện về vật chất, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Trung tâm Quy hoạch – Kiến trúc và Tư vấn xây dựng được Chủ đầu tư giao thực hiện công tác lập Thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án Trục đường chính đô thị khu dân cư phía Nam (dân cư 02 bên); Hạng mục: Bồi thường và đầu tư hạ tầng với những nội dung báo cáo cụ thể đã trình bày ở trên;

Kính đề nghị các Sở, Ban ngành chức năng thẩm định, phê duyệt Thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở tạo điều kiện sớm triển khai và đưa công trình vào sử dụng./.

NGƯỜI LẬP

ThS. Nguyễn Duy Thanh

CHỦ TRÌ

ThS. Lê Quốc Cường

GIÁM ĐỐC